

SCIC Chi nhánh phía Nam

ĐẾN 17-03-2016

Số CV đến: 74

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VĨNH LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THUẾ - TƯ VẤN SÀI GÒN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VĨNH LONG

80 Trần Phú, phường 4, thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 06
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VĨNH LONG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 ("năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015").

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám Đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và đến ngày lập các báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Ngọc Quỳnh	Chủ tịch	(Miễn nhiệm từ ngày 1/7/2015)
Ông Trần Văn Long	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 1/7/2015)
Ông Trần Văn Đáp	Phó chủ tịch	
Ông Phan Minh Quý	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Long	Giám đốc	
Ông Lê Ngọc Quỳnh	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm từ ngày 1/7/2015)
Ông Trần Văn Đáp	Phó Giám đốc	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm Toán Thuế Tư Vấn Sài Gòn đã được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

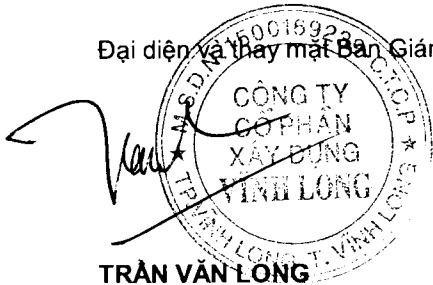
Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Chúng tôi cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện và thay mặt Ban Giám đốc,



TRẦN VĂN LONG

Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 01 năm 2016

Số: *16.01.9* BCKT-SGA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VĨNH LONG
năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VĨNH LONG

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VĨNH LONG (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc cùng ngày, được lập ngày 29 tháng 01 năm 2016, từ trang 05 đến trang 19 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng tiền chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BÙI TRUNG HIẾU

Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1341-2013-207-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THUẾ TƯ VẤN SÀI GÒN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2016

BÙI NHẬT ÁNH

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1238-2013-207-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Cuối năm	Đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.613.040.278	8.455.864.664
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	129.929.547	117.300.298
1. Tiền	111		129.929.547	117.300.298
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.645.163.362	3.445.163.362
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.645.163.362	3.445.163.362
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.588.238.654	4.660.195.963
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	2.474.752.833	4.729.888.260
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		461.053.222	317.421.626
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	243.632.653	204.086.131
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(591.200.054)	(591.200.054)
IV. Hàng tồn kho	140		121.760.492	134.986.732
1. Hàng tồn kho	141	V.6	121.760.492	134.986.732
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		127.948.223	98.218.309
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	V.8	88.648.223	26.206.309
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		39.300.000	72.012.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.815.579	46.396.397
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.815.579	40.223.383
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	26.815.579	40.223.383
- Nguyên giá	222		428.469.667	428.469.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(401.654.088)	(388.246.284)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	6.173.014
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	6.173.014
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.639.855.857	8.502.261.061

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Cuối năm	Đầu năm
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.524.413.787	2.647.131.795
I. Nợ ngắn hạn	310		1.524.413.787	2.647.131.795
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.401.926.650	992.856.290
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		43.676.495	339.826.495
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	V.8	-	24.441.347
4. Phải trả người lao động	314		2.863.500	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	75.947.142	75.947.142
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	38.009.747
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	1.176.050.774
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.115.442.070	5.855.129.266
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	5.115.442.070	5.855.129.266
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		6.297.200.000	6.297.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.297.200.000	6.297.200.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.132.976	27.132.976
3. Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		(1.208.890.906)	(469.203.710)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.208.890.906)	(469.203.710)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.639.855.857	8.502.261.061

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu

Mã
số

Thuyết
minh

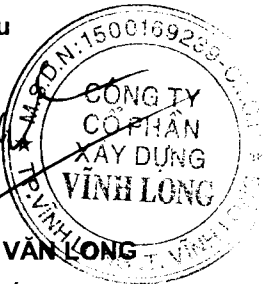
Cuối năm

Đầu năm


TRẦN VĂN LONG

Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 01 năm 2016




ĐẶNG THỊ HOÀNG OANH

Phụ trách kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.398.969.384	3.349.314.007
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		5.398.969.384	3.349.314.007
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.182.938.507	3.117.220.515
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		216.030.877	232.093.492
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	223.820.215	281.117.618
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	43.549.350	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		43.549.350	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		961.984.419	922.509.167
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(565.682.677)	(409.298.057)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	21.461.247	42.449.600
12. Chi phí khác	32	VI.6	195.465.766	116.544.800
13. Lợi nhuận khác	40		(174.004.519)	(74.095.200)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(739.687.196)	(483.393.257)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(739.687.196)	(483.393.257)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(1.175)	(768)

TRẦN VĂN LONG

Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 01 năm 2016

ĐẶNG THỊ HOÀNG OANH

Phụ trách kế toán

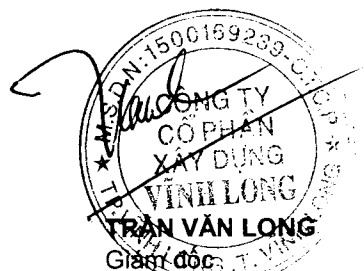
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		7.893.675.595	3.478.500.230
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(203.500.000)	(3.260.634.168)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(140.680.570)	(305.002.047)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(43.549.350)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			(4.728.602)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		307.778.805	3.231.308.964
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(2.214.260.241)	(4.044.320.194)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.599.464.239	(904.875.817)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.586.834.990)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.586.834.990)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		12.629.249	(904.875.817)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		117.300.298	1.022.176.115
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		129.929.547	117.300.298



Vĩnh Long, ngày 29 tháng 01 năm 2016

ĐẶNG THỊ HOÀNG OANH
Phụ trách kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây Dựng Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169239 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13 tháng 08 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Trụ sở hoạt động của Công ty là 80 Trần Phú, phường 4, thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 6.297.200.000 VND

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Xây dựng các công trình dân dụng; Đầu tư xây dựng nhà ở và cho thuê; Thi công xây dựng cầu, đường giao thông nông thôn; Xây dựng các công trình công nghiệp; San lấp mặt bằng và kỹ thuật hạ tầng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Cho thuê thiết bị kèm theo người điều khiển; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Tư vấn thiết kế xây dựng và giám sát chất lượng công trình; Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Vận tải hàng hóa đường thủy.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Do đặc điểm hoạt động của Công ty chủ yếu làm trong lĩnh vực xây dựng, Công ty không có chu kỳ sản xuất kinh doanh cố định mà phụ thuộc vào các hợp đồng ký kết với chủ đầu tư.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc của Công ty bao gồm trụ sở chính và các đội thi công. Công ty không có chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 (được trình bày tại mục III.1). Thông tư cũng thể hiện những thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm tài chính hiện tại.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là tiền đồng Việt Nam (VND) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC cung cấp hướng dẫn về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006-QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

2. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ toàn bộ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định có liên quan đến công tác kế toán trên các phương diện trọng yếu.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế ngoài nước Việt Nam. Do đó, các nguyên tắc và thực hành kế toán tại Việt Nam có thể khác với nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng) sẵn sàng có thể chuyển đổi thành tiền mà không gặp bất kỳ rủi ro trọng yếu nào.

2. Các khoản đầu tư

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh tức là mua để bán lại để tạo lợi nhuận. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Điều hành Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

c. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo nguyên tắc giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán trước khi đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập nếu đơn vị nhận đầu tư sau đó có một khoản lợi nhuận cần trừ với các khoản lỗ trước đó đã được dự phòng. Khoản dự phòng được lập chỉ được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ước tính có thể thu được. Giá trị của các khoản phải thu được ước tính dựa trên giá trị ghi sổ các khoản phải thu trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi ước tính cho phần giá trị bị tổn thất do quá hạn thanh toán, khách hàng không có khả năng thanh toán.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cho hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng trạng thái và địa điểm hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành cùng với các chi phí phát sinh trong quá trình tiếp thị, bán hàng và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên/kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập theo quy định hiện hành cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian khấu hao ước tính của các tài sản. Thời gian khấu hao ước tính của các tài sản cố định tại Công ty được áp dụng như sau:

Nhà xưởng vật kiến trúc

Thiết bị văn phòng

20 năm

03 - 05 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn, được thể hiện theo giá trị còn lại. Chi phí trả trước được vốn hóa và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước mang lại lợi ích kinh tế trên 01 năm được phân loại là chi phí trả trước dài hạn.

7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền sẽ phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã được nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trích trước.

8. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có một nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính tốt nhất về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo.

9. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định dựa trên các khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận lãi từ các khoản đầu tư đó

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản chi phí khác thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

10. Chi phí

Chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.

Các chi phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các khoản chi phí lãi vay khác phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

12. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày theo tổng giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam (VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.241.288	7.804.235
Tiền gửi ngân hàng	128.688.259	109.496.063
	129.929.547	117.300.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	3.645.163.362	3.645.163.362	3.445.163.362	3.445.163.362
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.645.163.362	3.645.163.362	3.445.163.362	3.445.163.362

(*): Thẻ hiện khoản tiền gửi tiết kiệm 2-6 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN-CN Vĩnh Long

3. Phải thu khách hàng

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
- Văn phòng đoàn ĐBQH và HĐND Tỉnh Vĩnh Long (*)	31.418.000	31.418.000
- UBND Phường 5, TP Vĩnh Long (*)	373.335.600	373.335.600
- Trường THPT Tân Lược (*)	695.889.000	695.889.000
- Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Vĩnh Long (*)	315.402.233	315.402.233
- Trường THPT Trần Đại Nghĩa (*)	3.606.000	3.606.000
- Trung tâm Thể dục Thể thao Tỉnh Vĩnh Long	602.054.000	-
- Các khách hàng khác	453.048.000	3.310.237.427
	2.474.752.833	4.729.888.260

(*): Đây là những công nợ phát sinh trên 03 năm chưa thanh toán, và đã trích lập dự phòng nợ khó đòi.

4. Phải thu khác

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác		
- Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm	96.847.370	105.661.067
- BHXH nộp thay	115.407.283	62.924.386
- Phải thu khác	31.378.000	35.500.678
	243.632.653	204.086.131

5. Nợ xấu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 3 năm trở lên (đối tượng xem mục V.3)	1.419.650.833		1.419.650.833	
		-		-
Trong đó				
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi		(591.200.054)		(591.200.054)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	121.760.492		134.986.732	-
	121.760.492	-	134.986.732	-

7. Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	178.770.667		249.699.000		428.469.667
Số dư cuối năm	178.770.667	-	249.699.000	-	428.469.667
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	138.547.284		249.699.000		388.246.284
- Khấu hao trong năm	13.407.804				13.407.804
Số dư cuối năm	151.955.088	-	249.699.000	-	401.654.088
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	40.223.383	-	-	-	40.223.383
Tại ngày cuối năm	26.815.579	-	-	-	26.815.579

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	249.699.000	249.699.000

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	24.441.347	542.876.119	(629.759.380)	(62.441.914)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(26.206.309)			(26.206.309)
Thuế phải nộp	24.441.347	542.876.119	(629.759.380)	-
Thuế phải thu	26.206.309			88.648.223

9. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí phải trả theo tỷ lệ giao khoán công trình	75.947.142	75.947.142
	75.947.142	75.947.142

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Số dư đầu năm trước	6.297.200.000	27.132.976		14.189.547	6.338.522.523
- Lãi trong năm trước	-	-	-	(483.393.257)	(483.393.257)
- Tăng/(giảm) khác	-				-
Số dư đầu năm nay	6.297.200.000	27.132.976	-	(469.203.710)	5.855.129.266
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	(739.687.196)	(739.687.196)
- Tăng/(giảm) khác	-		-	-	-
Số dư cuối năm nay	6.297.200.000	27.132.976	-	(1.208.890.906)	5.115.442.070

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Nhà đầu tư	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước	3.406.000.000	54%	3.406.000.000	54%
Cổ đông khác	2.891.200.000	46%	2.891.200.000	46%
	6.297.200.000	100,00%	6.297.200.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn điều lệ đăng ký của chủ sở hữu		
+Vốn góp đầu năm	6.297.200.000	6.297.200.000
+ Vốn góp cuối năm	6.297.200.000	6.297.200.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	Cuối năm Cổ phiếu	Đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	629.720	629.720
Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	629.720	629.720
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	629.720	629.720
Mệnh giá cổ phiếu lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ:	5.398.969.384	3.349.314.007
	5.398.969.384	3.349.314.007

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	5.182.938.507	3.117.220.515
	5.182.938.507	3.117.220.515

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	195.921.623	281.117.618
- Thu nhập tài chính khác	27.898.592	-
	223.820.215	281.117.618

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	43.549.350	-
	43.549.350	-

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	21.461.247	42.449.600
	21.461.247	42.449.600

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi chậm nộp tiền thu cổ phần hóa	147.628.311	-
- Các khoản khác	47.837.455	116.544.800
	195.465.766	116.544.800

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán Lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(739.687.196)	(483.393.257)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(739.687.196)	(483.393.257)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	629.720	629.720
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.175)	(768)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**TRẦN VĂN LONG**

Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 1 năm 2016

ĐẶNG THỊ HOÀNG OANH

Phụ trách kế toán

FROM: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VĨNH LONG**

Số nhà/(Ng

Tổ/cụm/xó

Quận/Huyện(District):

Tỉnh/Thành phố(Province):

Tel:

Địa chỉ: Số 80, Trần Phú, Phường 4, TP.Vĩnh Long, tỉnh

Vĩnh Long

ĐT: 0703 822 521

Fax: 0703 822 521

Mã (Code):

Mã (Code):

To: **TỪ ĐÌNH THỰC ĐOAN**

SCIC chi nhánh khu vực phía nam

Số nhà Địa chỉ: số 16, đường Trương Định, P6, Quận 3, TP.HCM

ĐT: (08) 39333818

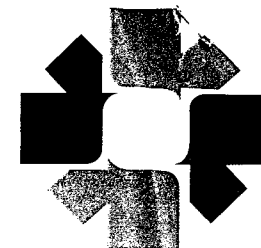
DĐ: 0908.130.310

Tổ/cụm/xóm(Village): Phường/Xã(Committee):

Quận/Huyện(District): Mã (Code):

Tỉnh/Thành phố(Province): Mã (Code):

Tel:



Vietnam Value



Hãy nói theo cách của bạn

Mọi thắc mắc của Quý khách xin liên hệ để được giải đáp theo đường dây nóng: **19008095** www.viettelpost.com.vn